**Thời gian thực hiện:** …/…./ 2022

**Môn: Toán - Lớp: 3**

**Bài 33: Luyện tập (1 tiết)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:** Học xong bài này, học sinh đạt được các yêu cầu sau:

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

- Luyện tập thực hành cách đặt tính và thực hiện phép tính nhân với số có một chữ số trong phạm vi 1 000 ( không nhớ).

- Biết cách nhân nhẩm số tròn trăm với số có một chữ số.

**2. Phát triển năng lực:**

**Năng lực chung: NL sử dụng phương tiện, công cụ học toán; NL giải quyết vấn đề toán học; NL giao tiếp toán học.**

**Năng lực đặc thù: NL tư duy và lập luận toán học; NL mô hình hóa toán học.**

**Phẩm chất**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**- Giáo viên:** Thẻ giấy ghi số: 7, 14, 21, 28, 35, 42, 49, 56, 63, 70

+ 10 thẻ ghi 7 chấm tròn; một số tình huống đơn giản dẫn tới phép nhân trong Bảng nhân 7

**- Học sinh:** Mỗi HS10 thẻ ghi 7 chấm tròn trong bộ đồ dùng học Toán; một số tình huống đơn giản dẫn tới phép nhân trong Bảng nhân 7

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **A. Hoạt động mở đầu:****1. Khởi động:**- Giáo viên tổ chức chơi trò chơi “ Vượt qua thử thách” theo nhóm. - Luật chơi: HS nêu tình huống thực tế (đã chuẩn bị ở nhà) liên quan đến phép nhân đã học. Mời một bạn bất kì trong lớp hoặc trong nhóm thực hiện tính và trả lời câu hỏi đặt ra. Nhóm nào có nhiều tình huống hay, phép tính đúng thì thắng cuộc.- Giáo viên nhận xét, tuyên dương học sinh. | - HS tham gia chơi- HS lắng nghe |
| **\* Giới thiệu bài mới** - Ở tiết trước, các em đã được làm các dạng bài toán nhân với số có một chữ số không nhớ. Hôm nay, chúng ta sẽ ôn tập thêm một số bài toán dạng như vậy nữa nhé.- Yêu cầu HS viết tựa bài vào vở | - HS lắng nghe- HS viết tựa bài vào vở. |
| **B. Hoạt động Luyện tập, thực hành:****Bài 1:** - Đọc yêu cầu bài- Bài yêu cầu gì?- Yêu cầu HS làm bài vào vở, nêu cách thực hiện và kết quả.- Yêu cầu HS so sánh phép nhân 33 x 3 với các phép nhân còn lại.- GV nhận xét, chốt câu trả lời đúng.- Yêu cầu HS kiểm tra chéo bài làm của bạn theo nhóm bàn.**-** GV nhận xét, tuyên dương**Bài 2: (Làm việc cá nhân)** - GV yêu cầu HS nêu đề bài- Nêu cách đặt tính.- Nêu cách thực hiện các phép tính.- Yêu cầu HS làm bài vào vở rồi kiểm tra chéo bài của bạn, nêu nhận xét.- GV Nhận xét, tuyên dương.\* **Lưu ý:** Các phép nhân trên là các phép nhân có nhớ hay không có nhớ?+ Muốn có phép nhân với số có một chữ số không có nhớ, từng lượt nhân có kết quả thế nào?- Tự lấy 1 VD về phép nhân với một chữ số không nhớ và thực hiện ra bảng con.- GV nhận xét, tuyên dương các HS tìm phép nhân nhanh, làm bài đúng.**Bài 3. (Làm việc chung cả lớp)**- GV yêu cầu HS đọc đề bài

|  |  |
| --- | --- |
| Toán lớp 3 trang 72 Luyện tập | Cánh diều | 200 x 4 300 x 3100 x 8 400 x 2 |

- Chữa bài:- Yêu cầu HS nêu cánh tính nhẩm.- Yêu cầu HS tự lấy VD về nhân nhẩm số tròn trăm với số có một chữ số.+ Thi đua: Trong vòng 1 phút viết ra ba phép nhân số tròn trăm với số có một chữ số trong phạm vi 1000.+ Tổng kết: Tuyên dương HS tìm phép tính nhanh, đúng. | - HS đọc yêu cầu.- Bài yêu cầu chúng ta thực hiện phép tính nhân với số có một chữ số.- HS làm bài, nêu cách thực hiện, kết quả.- Phép nhân 33 x 3 là nhân số có hai chữ số với số có một chữ số, thực hiện 2 lượt nhân.- Ba phép nhân còn lại là nhân số có ba chữ số với số có một chữ số, thực hiện 3 lượt nhân.- HS kiểm tra, nhận xét bài của bạn.- Đặt tính rồi tính.- HS quan sát tranh, đọc các phép tính.- HS nêu cách đặt tính.- HS nêu cách thực hiện phép tính.- HS làm bài vào vở, 2 bạn cùng bàn kiểm tra chéo bài của nhau và nhận xét bài làm của bạn.- Phép nhân không có nhớ.- Kết quả của từng lượt nhân bé hơn 10.- HS lấy VD thực hiện đặt tính và tính ra bảng con.- Tính nhẩm( theo mẫu)- HS đọc thầm các phép tính, tính nhẩm kết quả.- 1 HS đọc kết quả, các bạn khác nhận xét.- HS nêu cách tính ở mỗi phép tính tương ứng.- HS làm việc cá nhân, thi đua viết phép tính theo yêu cầu. |
| **C. Hoạt động Vận dụng:** **Bài 4: (Làm việc chung cả lớp)** Quãng đường vòng quanh một sân tập thể dục dài khoảng 320m, Đức đã chạy 3 vòng. Hỏi Đức đã chạy được bao nhiêu mét?+ Hoạt động cả lớp: Đọc bài toán+ Hoạt động nhóm: Nói cho bạn nghe: Bài toán cho biết gì? Bài toán hỏi gì?+ Hoạt động cả lớp: Gọi 1 đến 2 nhóm chia sẻ về yêu cầu của bài tập trước lớp.- Yêu cầu HS suy nghĩ lựa chọn phép phép tính phù hợp với bài toán thực tế.- Yêu cầu HS cho câu lời giải tương ứng. Khuyến khích HS tìm các câu trả lời khác nhau nhưng đúng nội dung.- Cho HS làm bài vào vở.- GV tổ chức chữa bài, nhận xét bài làm của HS.- GV chốt bài làm đúng.- Yêu cầu HS nhận xét phép nhân để tính quãng đường bạn Đức đã chạy.***\* Liên hệ:*** Bạn Đức (trong bài 4) đã làm gì? Bạn làm vào thời gian nào? Việc làm của bạn Đức có tác dụng gì đối với bản thân?- Theo em chăm chỉ luyện tập thể dục có tác dụng gì? | - 1 HS đọc cả lớp đọc thầm.- HS có thể hỏi đáp, chia sẻ:- HS nêu- HS chia sẻ với bạn - Phép tính 320 x 3 = 960(m)- HS trả lời - Học sinh trình bài vài vở.Bài giải:Đức đã chạy được:320 x 3 = 960 (m) Đáp số: 960 mét- 1 HS lên bảng chữa bài, cả lớp nhận xét.- Là phép nhân với số có một chữ số không có nhớ.- Bạn Đức chạy bộ vào buổi sáng. Đó là một cách luyện tập thể dục để nâng cao sức khỏe.- HS tự liên hệ bản thân. |
| **\* Củng cố- Dặn dò:** - Bài học hôm nay, em đã học thêm được điều gì? - GV đánh giá tiết học, tuyên dương những bạn học tốt thường xuyên phát biểu ý kiến, động viên, khích lệ những học sinh có sự tiến bộ.- Chuẩn bị bài: Phép chia hết, phép chia có dư | - HS nêu ý kiến - HS lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

**-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------**

**Thời gian thực hiện:** …/…./ 2022

**Môn: Toán - Lớp: 3**

**Bài 34: Phép chia hết, phép chia có dư (2 tiết)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:** Học xong bài này, học sinh đạt được các yêu cầu sau:

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

- Nhận biết phép chia hết và phép chia có dư, biết số dư bé hơn số chia.

- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học vào giải quyết tình huống gắn với thực tế.

**2. Phát triển năng lực:**

**Năng lực chung: NL sử dụng phương tiện, công cụ học toán; NL giải quyết vấn đề toán học; NL giao tiếp toán học.**

**Năng lực đặc thù: NL tư duy và lập luận toán học; NL mô hình hóa toán học.**

**Phẩm chất**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**- Giáo viên:** Một số tình huống đơn giản có liên quan đến phép chia hết và phép chia có dư.

+ SGK, bảng phụ, phiếu học tập, các thẻ hình vuông.

**- Học sinh:** SGK, một số đồ vật đã chuẩn bị sẵn ở nhà, bút, thước….

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **A. Hoạt động khởi động:**  - Giáo viên tổ chức trò chơi “ Chia đều”- Luật chơi: Lấy ra một nhóm đồ vật. Từng nhóm 2 HS chơi trò “Chia đều”. Nếu chia đồ vật mà không còn dư thì người chơi nói “đã chia hết”; nếu chia đồ mà vật còn dư thì người chơi nói “chia còn dư”.- Qua trò chơi GV có thể giới thiệu bài mới luôn và ghi tên bài lên bảng: Phép chia hết, phép chia có dư. | - HS tham gia chơi- HS lắng nghe- HS ghi tên bài vào vở |
| **B. Hoạt động hình thành kiến thức mới:** **1. Phép chia hết**- Yêu cầu HS thực hiện theo nhóm:+ Lấy ra 8 hình vuông, chia đều cho 2 bạn. Mỗi bạn được 4 hình vuông.- GV kết luận: “Phép chia 8 : 2 có thương là 4, số dư là 0. Đây là phép chia hết. Viết 8 : 2 = 4”.**2. Phép chia có dư**- Yêu cầu HS thực hiện theo nhóm:+ Lấy ra 9 hình vuông, chia đều cho 2 bạn. Mỗi bạn được 4 hình vuông, còn dư 1 hình vuông.- GV kết luận: “Phép chia 9 : 2 có thương là 4, số dư là 1. Đây là phép chia có dư. Viết 8 : 2 = 4 (dư 1). Đọc “ Chín chia hai bằng bốn dư một”.- Yêu cầu HS lấy đồ dùng học tập thực hiện tương tự với một vài trường hợp khác rồi viết phép chia tương ứng, chẳng hạn:7 : 2 = 3 (dư 1)8 : 3 = 2 (dư 2)13 : 5 = 2 (dư 3)- GV nhận xét | - HS thực hiện theo yêu cầu+ HS nêu phép tính tìm số hình vuông của mỗi bạn 8 : 2 = 4 (hình vuông).+ HS nói: “Không còn dư hình vuông nào”.- HS lắng nghe và nhắc lại.- HS thực hiện theo yêu cầu+ HS nêu phép tính tìm số hình vuông của mỗi bạn 9 : 2 = 4 (hình vuông).+ HS nói: “Còn dư lại 1 hình vuông”.- HS lắng nghe và nhắc lại.- HS thực hiện theo yêu cầu- HS lắng nghe |
| **Bài 1: Số? (Làm việc cá nhân)**

|  |  |
| --- | --- |
| a) 11 : 2 = ? (dư ?) Thương là: ? Số dư là: ? | b) 17 : 3 = ? (dư ?) Thương là: ? Số dư là: ? |

a. GV yêu cầu HS tự làm bài.- Gọi HS nêu kết quả.- Gọi HS đọc phép tính.- GV nhận xét, kết luận đúng.b. Tiến hành tương tự phần a.- HS làm bài và nêu kết quả.- GV chốt đúng.***\* GV lưu ý HS:***+ Có thể sử dụng đồ dùng trực quan để hỗ trợ tìm thương và số dư trong phép chia có dư. (lấy ra 11 hình vuông, chia đều cho 2 bạn. Mỗi bạn được 5 hình vuông, còn dư 1 hình vuông) + Dựa vào các phép tính trong các bảng chia đã học để tìm thương và số dư trong phép chia có dư: 10 : 2 = 5 11 : 2 = 5 (dư 1) | - HS nêu yêu cầu của bài- HS tự làm bài vào vởa. HS nêu kết quả: Phép chia 11 : 2 có thương là 5, số dư là 1. Đây là phép chia có dư+ 2 HS đọc: Mười một chia hai bằng năm dư một”+ HS đổi vở kiểm tra chéo, nói cách làm cho bạn nghe.b. Phép chia 17 : 3 có thương là 5, số dư là 2. Đây là phép chia có dư- HS theo dõi. |
| **Bài 2: Số ? (Làm việc cá nhân)**

|  |  |
| --- | --- |
| 4 : 4 = 15 : 4 = 1 (dư 1)6 : 4 = 1 (dư ?)7 : 4 = 1 (dư ?) | 4 : 4 = ?5 : 4 = 1 (dư ?)6 : 4 = 1 (dư ?)7 : 4 = 1 (dư ?) |

**-** Yêu cầu HS thực hiện phép tính rồi chọn số thích hợp trong ô ?- Gọi HS nêu kết quả.- GV nhận xét, chốt đúng.- GV: Dù lấy 5 (hay 6, 7, 9, 10 hay 11) khi chia cho 4 thì *số dư nhận được bao giờ cũng bé hơn 4*- GV nhận xét: *Trong phép chia có dư thì số dư bao giờ cũng bé hơn số chia*\* Nếu có thời gian: GV yêu cầu HS viết các phép chia tương tự với các bảng chia khác, giúp HS biết cách vận dụng bảng chia để thực hiện phép chia có dư. | - HS nêu yêu cầu của bài- HS tự làm bài.+ HS nêu kết quả (nêu các thành phần của phép chia), nhận xét.

|  |  |
| --- | --- |
| 4 : 4= 15 : 4= 1 (dư 1)6 : 4= 1 (dư 2)7 : 4= 1 (dư 3) | 8 : 4= 29 : 4=2 (dư 1)10: 4= 2 (dư 2)11: 4= 2 (dư 3) |

- Một số HS nhắc lại nhận xét\* HS học tốt viết, chẳng hạn:

|  |  |
| --- | --- |
| 2 : 2 = 13 : 2 =1 (dư 1)4 : 2 = 25 : 2 = 2 (dư 1)6 : 2 = 3 | 7 : 2 = 3(dư 1)8 : 2 = 4 9 : 2 = 4 (dư 1)10: 2 = 511: 2 = 5 (dư 1) |

 |
| **C. Hoạt động Vận dụng:** **Bài 3: (Làm việc nhóm đôi)**- GV gọi HS đọc bài 3: Có 14 người khách cần sang sông, mỗi chuyến thuyền chở được nhiều nhất 4 người khách (không kể người chèo thuyền). Theo em, cần ít nhất mấy chuyến để thuyền chở hết số khách đó?? Bài toán cho biết gì ? Bài toán hỏi gì?- Cho HS thảo luận nhóm đôi đưa ra ý kiến lập luận để trả lời câu hỏi: Theo em, cần ít nhất mấy chuyến để thuyền chở hết số khách đó?- GV nhận xét cách làm của HS.+ GV giới thiệu cho HS cách sử dụng phép chia có dư để giải bài toán:*Ta có: 14 : 4 = 3 (dư 2)**Nếu chở 3 chuyến thì vẫn còn dư 2 khách.**Như vậy, cần 4 chuyến để chở hết số khách sang sông.*- GV Nhận xét, tuyên dương.***\* Lưu ý:*** Nếu còn thời gian, GV khuyến khích HS nêu ra các tình huống tương tự và cách sử dụng phép chia có dư để giải quyết.**\*Củng cố, dặn dò** - Qua bài học hôm nay, các em biết thêm được điều gì?- Thuật ngữ nào em cần ghi nhớ?- Em thích cách nào để tìm kết quả các phép chia có dư? Khi thực hiện phép chia có dư, em nhắn bạn cần lưu ý điều gì?- Liên hệ về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến phép chia hết và phép chia có dư đã học, đặt ra bài toán cho mỗi tình huống đó, hôm sau chia sẽ với các bạn- Chuẩn bị bài: Chia số tròn chục, tròn trăm cho số có một chữ số. | - HS đọc bài 3.- HS thảo luận nhóm đôi tìm hiểu nội dung bài toán.- HS thảo luận.- Đại diện nhóm chia sẻ suy nghĩ và cách giải quyết của nhóm mình, nhóm khác nhận xét, bổ sung.- HS đọc lại bài giải |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

**-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------**

**Thời gian thực hiện:** …/…./ 2022

**Môn: Toán - Lớp: 3**

**Bài 35: Chia số tròn chục, tròn trăm cho số có một chữ số**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:** Học xong bài này, học sinh đạt được các yêu cầu sau:

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

- Biết cách chia nhẩm số tròn chục, tròn trăm cho số có một chữ số.

- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng về phép chia đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

**2. Phát triển năng lực:**

**Năng lực chung: NL sử dụng phương tiện, công cụ học toán; NL giải quyết vấn đề toán học; NL giao tiếp toán học.**

**Năng lực đặc thù: NL tư duy và lập luận toán học; NL mô hình hóa toán học.**

**Phẩm chất**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**- Giáo viên:** SGK, tranh, bảng phụ, phiếu học tập.

+ Một số tình huống đơn giản có liên quan đến phép chia số tròn chục, tròn trăm cho số có một chữ số.

**- Học sinh:** SGK, bút, ….

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **A. Hoạt động khởi động:** - GV YC lớp trưởng tổ chức cho lớp hát- HS quan sát tranh, nêu phép tính tìm số tờ giấy màu mỗi bạn có: 60 : 3 =? | - Lớp trưởng tổ chức cho lớp hát.- HS quan sát |
|
| **B. Hoạt động Hình thành kiến thức mới:** **HS tính 60 : 3 = ?**- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm.- GV chốt lại các bước thực hiện kĩ thuật tính nhẩm: 60 : 3 =?6 chục : 3 = 2 chụcVậy 60 : 3 = 20**\* Lưu ý:** Để thực hiện phép tính nhẩm này chỉ cần thực hiện phép chia 6 : 3 = 2.- Yêu cầu HS thực hiện một số phép tính khác để củng cố cách thực hiện và nói cho bạn nghe cách làm. | - HS thảo luận nhóm cách tính. Đại diện nhóm nêu cách làm.- HS lắng nghe  - HS thực hiện |
|

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài 1:Tính nhẩm (Làm việc cá nhân)**- GV yêu cầu HS đọc đề

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| a) 60 : 2 | 70 : 7 | 40 : 2 | 90 : 3 |

- GV cho HS làm vở - GV yêu cầu HS báo cáo kết quả- Nhận xét - tuyên dương- GV chốt cách tính nhẩm.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  |

1. Yêu cầu HS đọc mẫu:

|  |  |
| --- | --- |
| **Mẫu:** 600 : 3 = ?  6 trăm : 3 = 2 trăm Vậy 600 : 3 = 200 | 800 : 4400 : 2500 : 5 |

- Cho HS nhận xét phép tính mẫu.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  |  |  |

- Yêu cầu HS quan sát mẫu và tính nhẩm theo mẫu.  - GV chốt cách tính nhẩm chia số tròn trăm cho số có một chữ số.**Bài 2: (Làm việc nhóm 4)** Quan sát tranh, nêu phép tính thích hợp:- Cho HS thảo luận nêu bài toán - phép tính vào phiếu học tập.- GV yêu cầu báo cáo kết quả- GV Nhận xét, tuyên dương. |

 |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| - HS nêu yêu cầu bài 1.- HS thực hiện cách tính nhẩm và làm vở.- HS đọc kết quả:

|  |  |
| --- | --- |
| 60 : 2 = 30  | 70 : 7 = 10 |
| 40 : 2 = 20  | 90 : 3 = 30 |

- HS đọc mẫu- HS nêu: Số tròn trăm chia cho số có một chữ số.- HS làm tính nhẩm theo mẫu- HS đọc kết quả800: 4 = 200 400: 2 = 200 500: 5= 100- HS quan sát tranh, nêu bài toán.Ví dụ: Có 9 bó que tính, mỗi bó có 1 chục que tính, hỏi có tất cả bao nhiêu que tính?-Có 9 chục que tính chia đều làm 3 nhóm. Mỗi nhóm có bao nhiêu que tính? - Thảo luận tìm phép tính đúng ghi vào phiếu học tập.- Đại diện các nhóm trình bàyNhẩm 9 chục : 3 được 3 chục, có 3 chục = 30. Vậy 90 : 3 = 30- Nhận xét bạn về bài toán - phép tính. |

 |
| **D. Hoạt động vận dụng:** **Bài 3: (Thảo luận nhóm 2)**- Cho HS đọc đề bài: Bác Sáng thu hoạch được 80 quả bí ngô, bác chia đều vào 4 chuyến xe để chở hết số quả bí ngô về nhà. Hỏi mỗi chuyến xe chở bao nhiêu quả bí ngô?- Gọi 1 số cặp hỏi đáp để tìm hiểu bài toán: Bài toán cho biết gì? Bài toán hỏi gì?- GV yêu cầu HS thảo luận để tìm cách giải bài toán.- GV yêu cầu HS trình bày bài giải vào bảng nhóm.- Đưa 1 bảng nhóm lên bảng lớp- GV yêu cầu HS đọc bài giải- Nhận xét gì về phép tính? | - HS đọc đề- Hỏi đáp tìm hiểu đề bài- 2 cặp nêu trước lớp- HS thảo luận- HS trình bày bài giải vào bảng nhóm.- HS quan sát- Đại diện đọc bài giải Bài giảiSố quả bí ngô mà mỗi chuyến xe chở là:80: 4= 20 (quả)Đáp số: 20 quả bí ngô- HS nhận xét |
| **\* Củng cố - Dặn dò:**- Qua bài học hôm nay các em biết thêm được điều gì?- GV nhận xét tiết học.- Về nhà, các em sẽ tìm những tình huống thực tế liên quan đến phép chia đã học, đặt ra bài toán cho mỗi tình huống đó, để tiết học sau chúng ta cùng chia sẻ với bạn.- Chuẩn bị bài: Chia cho số có một chữ số | - Biết lập và học thuộc Bảng nhân 8.- HS lắng nghe. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

**-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------**

**Thời gian thực hiện:** …/…./ 2022

**Môn: Toán - Lớp: 3**

**Bài 36: Chia cho số có một chữ số**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:** Học xong bài này, học sinh đạt được các yêu cầu sau:

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

- Biết cách đặt tính và thực hiện chia số có hai chữ số cho số có một chữ số (chia hết).

- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng về phép chia đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

**2. Phát triển năng lực:**

**Năng lực chung: NL sử dụng phương tiện, công cụ học toán; NL giải quyết vấn đề toán học; NL giao tiếp toán học.**

**Năng lực đặc thù: NL tư duy và lập luận toán học; NL mô hình hóa toán học.**

**Phẩm chất**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**- Giáo viên:** SGV, tranh, bảng phụ, phiếu học tập…

+ Một số tình huống đơn giản có liên quan đến phép chia số có hai chữ số cho số có một chữ số (chia hết).

**- Học sinh:** SGK, bút, bảng con,….

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **A. Hoạt động khởi động:**   - GV tổ chức trò chơi “Truyền điện” ôn lại các bảng chia.- GV cho HS quan sát tranh, nêu phép tính tìm số sách trong mỗi ngăn tủ: 26 : 2 =? | - HS chơi.- HS quan sát tranh và nêu |
| **B. Hoạt động hình thành kiến thức mới:** **1**. HS tính 26 : 2 =?- Yêu cầu HS thảo luận nhóm.  - GV giới thiệu kĩ thuật đặt tính viết thông qua một ví dụ đơn giản như 88 : 2 =?. Cụ thể, viết số chia; kẻ hai vạch thẳng (GV làm mẫu); viết số chia; thực hiện phép chia; viết số thương vào trong ô bên phải dưới số chia sao cho thẳng cột với số chia.- GV chốt lại các bước thực hiện kĩ thuật tính viết như đã nêu trong bài học:+ Đặt tính.+ Thực hiện tính lần lượt từ trái sang phải, từ hàng cao nhất đến hàng thấp nhất.26 2 **\*** 2 chia 2 được 1, viết 1.2 13 1 nhân 2 bằng 2,06 2 trừ 2 bằng 0. 6 **\*** Hạ 6, 6 chia 2 được 3, viết 3.1. 3 nhân 2 bằng 6,

6 trừ 6 bằng 0.( GV nhấn mạnh để HS nắm chắc các thao tác thực hiện trong mỗi lượt: chia, nhân, trừ, hạ).+ Viết kết quả: 26 : 2 = 13.**2.** HS thực hiện một số phép tính khác trên bảng con, chẳng hạn 24 : 2 =? Để củng cố cách thực hiện và nói cho bạn nghe cách làm.( Lưu ý: GV không cần viết lời mô tả từng bước tính lên bảng).- GV nhận xét | - HS thảo luận nhóm, đại diện nhóm nêu cách đặt tính và tính.- HS lắng nghe. .- HS theo dõi GV thực hiện mẫu - HS lắng nghe- HS nhận xét: Trong phép chia này, ở mỗi lần chia đều là chia hết.- HS thực hiện trên bảng con.- HS lắng nghe |
| **Bài 1: Tính (Làm việc cá nhân)**- GV gọi HS đọc đề bài, xác định yêu cầu bài.- Yêu cầu HS tính rồi viết kết quả của phép tính. - Yêu cầu HS đổi chéo vở, báo cáo kết quả.- Yêu cầu HS nêu kết quả chia.- GV chữa bài, chỉnh sửa các lỗi sai cho HS.+ Các phép tính chia trên thực hiện qua mấy lượt chia?+ Mỗi lượt chia thực hiện qua mấy thao tác?**Bài 2:** Đặt tính rồi tính: **(Làm việc cá nhân)**- Gọi HS đọc đề bài + Bài tập có mấy yêu cầu? - Yêu cầu HS làm việc cá nhân vào vở.- Gọi HS lên bảng thực hiện.- GV gọi HS nhận xét.- Yêu cầu HS thực hiện lại phép tính cho cả lớp nghe.- GV nhận xét, yêu cầu HS đổi chéo vở, báo cáo kết quả.+ Để chia số có hai chữ số cho số có một chữ số ta thực hiện theo mấy bước?- GV chốt từng bước thực hiện tính. | - HS đọc và xác định đề bài.- HS làm cá nhân vào vở.- HS đổi vở kiểm tra chéo, nói cách làm cho bạn nghe.- HS nêu + Các phép chia trên thực hiện qua 2 lượt chia.+ Mỗi lượt chia thực hiện qua 4 thao tác: chia, nhân, trừ, hạ.- HS nêu yêu cầu- 2 yêu cầu: đặt tính và tính.- HS làm vào vở.- 4 HS thực hiện.- HS nêu cách làm các phép tính.- HS trả lời. |
| **C. Hoạt động Vận dụng:** **Bài 3: (Làm việc nhóm 3)** Gọi HS đọc đề bài: Có 84 quả cà chua xếp đều vào 4 rổ. Hỏi mỗi rổ có bao nhiêu quả cà chua?- Cho HS thực hiện phân tích bài toán: + Bài toán cho biết gì?+ Bài toán yêu cầu gì?- Yêu cầu HS giải bài toán vào vở. (3 bạn làm bảng nhóm).- GV gọi HS nhận xét.- GV nhận xét lại bài của HS, chốt lại bài.+ Hôm nay chúng ta học bài gì?+ Để chia số có hai chữ số cho số có một chữ số ta thực hiện theo mấy bước?+ Nêu lại cách đặt tính+ Nêu lại các thao tác trong mỗi lượt chia. | - HS đọc bài toán.- HS phân tích đề theo cặp.- HS làm.- 3 HS dán bảng nhóm, đọc bài giải.Mỗi rổ có số quả cà chua là: 84 : 4 = 21 (quả) Đáp số: 21 quả cà chua- HS nhận xét.- HS đối chiếu bài đúng trên bảng và đổi vở kiểm tra chéo.- HS nêu.- HS nhắc lại. |
| **\* Củng cố- dặn dò:****-** Qua bài học này các em biết thêm về điều gì?- Về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến phép chia đã học, đặt ra bài toán cho mỗi tình huống đó, hôm sau chia sẻ với các bạn.- Chuẩn bị bài: Luyện tập. | - HS nêu ý kiến - HS lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

**-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------**